

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/DSST

Ngày: 16-7-2018

*Về việc: Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Học
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - 1. Ông Nguyễn Chí Vương
 - 2. Ông Trịnh Văn Đoan
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Dân sự thụ lý số 23/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXX- ST ngày 06/6/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Tổ 07, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Tổ 05, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phùng Văn H1, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Tổ 05, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 14/11/2017, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Ngày 29/10/2017 ông Nguyễn Văn H có mua của bà Nguyễn Thị D một cây gỗ Giáng hương với giá 4.000.000 đồng, ông H đã thanh toán tiền cho bà D 4.000.000 đồng; sau khi đưa tiền mua bán ông H đã cho người vào để tiến hành đào cây thì bị con bà D và một số người lạ mặt cản trở không cho đào cây và vận chuyển nên ông đề nghị chính quyền xã can thiệp, làm việc; tại UBND xã bà D đồng ý hoàn trả lại cho ông số tiền đã nhận 4.000.000 đồng, do bà D không biết chữ nên con bà D viết giấy cam kết thay, bà D hẹn đến ngày 09/11/2017 sẽ trả số tiền trên nhưng đến hạn cam kết bà D không trả tiền cho ông mặc dù ông đi đòi nhiều lần nên nay ông H khởi kiện yêu cầu bà D hoàn trả cho ông số tiền đã giao trong hợp đồng mua bán và như cam kết tại UBND xã là 4.000.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền chi phí thuê nhân công đào và xe cẩu để cẩu cây nhưng không được.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H rút một phần yêu cầu, không yêu cầu bà D trả số tiền 2.000.000 đồng tiền chi phí thuê nhân công và thuê xe cẩu mà chỉ yêu cầu số tiền đã giao là 4.000.000 đồng;

** Đối với bị đơn:* Sau khi Tòa án đã thụ lý đơn kiện của ông Nguyễn Văn H khởi kiện bà Nguyễn Thị D về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập bà D đến tòa án để làm việc nhưng bà D không hợp tác, không nhận các văn bản tố tụng nên tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng tại phiên tòa bà D vẫn không có mặt tòa lần thứ hai mà không có lý do.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/4/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phùng Văn H1 trình bày:*

Anh H1 có biết vào ngày 30/10/2017 ông H vào vườn nhà mẹ anh H1 là bà D để hỏi mua một cây gỗ Giáng hương với giá 4.000.000 đồng, sau đó ông H có vào đào, bứng cây nhưng chú anh H1 và một số người khác ngăn cản không cho ông H bứng cây nên sau đó thương lượng mẹ anh sẽ hoàn trả lại cho ông H số tiền 4.000.000 đồng vào ngày 09/11/2017 và có làm giấy hẹn nợ nhưng vẫn chưa trả khi đến hạn. Nay anh H1 đồng ý trả cho ông H số tiền 4.000.000 đồng thay cho mẹ của anh H1 là bà D; còn số tiền ông H yêu cầu 2.000.000 đồng thuê công đào và xe múc anh H1 không đồng ý trả.

Sau khi lấy lời khai thì anh H1 không có mặt tại tòa án để làm việc theo giấy triệu tập nên tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H1 nhưng tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tuân thủ tố tụng dân sự:

Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ về thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Các đương sự vắng mặt là xem như từ bỏ quyền của mình trong quá trình tố tụng.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trình bày của các đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và sự tự nguyện của anh Phùng Văn H1; buộc anh Phùng Văn H1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn H số tiền 4.000.000 đồng thay cho bà Nguyễn Thị D; do ông H rút yêu cầu phân chi phí thuê nhân công và xe máy múc, cầu để đào cây nên đề nghị đình chỉ phần này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật:

Ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị D trả lại cho ông H số tiền đã giao trong hợp đồng mua bán tài sản nên đây là vụ án kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015; Bị đơn bà D có nơi cư trú tại huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi Tòa án đã thụ lý đơn kiện của ông Nguyễn Văn H khởi kiện bà Nguyễn Thị D về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập bà D đến tòa án để làm việc nhưng bà D không hợp tác, không nhận các văn bản tố tụng nên tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phùng Văn H1 sau khi lấy lời khai thì anh H1 cũng không có mặt theo giấy triệu tập của tòa án để giải quyết; tại phiên tòa bà D và anh H1 vẫn không có mặt lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phùng Văn H1 theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu đòi lại tài sản là tiền đã giao trong hợp đồng mua bán tài sản:

Ngày 29/10/2017 ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị D giao dịch với nhau về việc mua bán tài sản là cây Giáng hương, hai bên có thỏa thuận miệng với giá mua bán là 4.000.000 đồng; ông H đã giao đủ tiền cho bên bán là bà D nhưng khi ông H đến bứng cây để vận chuyển thì không được do con bà D cản trở nên việc mua bán không hoàn thành dẫn đến tranh chấp; quá trình địa phương giải quyết bà D đồng ý trả lại tiền đã nhận cho ông H, có lập biên bản thống nhất nhưng đến hạn cam kết bà D không hoàn trả nên ông H khởi kiện tại tòa án là phù hợp, có căn cứ pháp luật. Việc bà D không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông H số tiền đã nhận trong hợp đồng mua bán tài sản là vi phạm quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên việc ông H yêu cầu bà D trả tiền đã giao trong hợp đồng mua bán là có căn cứ nên được chấp nhận.

2.2 Về nghĩa vụ trả nợ thanh toán, phương thức thanh toán: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không làm việc được với bị đơn bà D, tuy nhiên quá trình làm việc với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phùng Văn H1 là con ruột của bà D thừa nhận bà D có nhận của ông Nguyễn Văn H số tiền mua bán tài sản là 4.000.000 đồng, nay hợp đồng mua bán không thực hiện được thì anh H1 đồng ý đứng ra thanh toán số tiền trên cho ông H thay cho bà D; đây là sự thiện chí, tự nguyện của anh H1 và được nguyên đơn chấp nhận nên ghi nhận, phù hợp với quy định tại Điều 283 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về đòi tài sản là tiền trong hợp đồng mua bán tài sản; buộc anh Phùng Văn H1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông H số tiền 4.000.000 đồng.

Trong đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn H còn yêu cầu bà D thanh toán số tiền 2.000.000 đồng chi phí thuê nhân công và thuê xe mức để bùng, di dời cây nhưng sau đó và tại phiên tòa Ông H rút yêu cầu này nên cần đình chỉ theo quy định tại Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Phùng Văn H1 phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chi cục thi hành án dân sự huyện H hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định.

[4] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, 147, Điều 217, khoản 3 Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2015;

Áp dụng các Điều 280, 283, 422, 423, 424, 430, 431, 433, 434 và Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

1. Về nghĩa vụ thanh toán nợ: ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Văn H bà anh Phùng Văn H1. Anh Phùng Văn H1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn H số tiền 4.000.000(Bốn triệu) đồng trong hợp đồng mua bán tài sản.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về yêu cầu bà Nguyễn Thị D thanh toán chi phí thuê nhân công và thuê xe máy mức với số tiền 2.000.000(Hai triệu) đồng do ông H rút yêu cầu.

2. *Về nghĩa vụ thi hành án:* Kể từ ngày bản án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

3. *Về án phí:* anh Phùng Văn H1 phải chịu 300.000(Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Chi cục Thi hành án dân sự hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí 300.000(Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0012496 ngày 02/01/2018.

4. *Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. H
- Chi cục THADS H. H;
- Dương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Đình Học